TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG SƯ PHẠM
**KHOA GIÁO DỤC TIỂU HỌC**

# BÁO CÁO KHẢO SÁT
# KHẢO SÁT MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC - 2025

**Nghệ An, 2025**

# MỤC LỤC

MỤC LỤC ..... 2
DANH MỤC BẢNG ..... 3
I. MỞ ĐẦU ..... 4
1. Lý do thực hiện khảo sát ..... 4
2. Mục tiêu khảo sát ..... 4
2.1. Mục tiêu chung: ..... 4
2.2. Mục tiêu cụ thể: ..... 4
3. Đối tượng và phương pháp khảo sát ..... 5
3.1. Đối tượng khảo sát ..... 5
3.2. Phương pháp thu thập dữ liệu ..... 5
3.3 Công cụ và cách thức khảo sát ..... 6
1.2.3. Phương pháp xử lý dữ liệu ..... 6
4. Nội dung khảo sát ..... 7
II. KẾT QUẢ KHẢO SÁT VÀ PHÂN TÍCH ..... 8
2.1. Đánh giá về Mục tiêu Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học ..... 8
2.2. Đánh giá về Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Giáo dục Tiểu học ..... 12
2.3. Bộ tiêu chí đánh giá kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, năng lực CDIO của CTĐT giáo viên tiểu học trình độ đại học ..... 17
2.4. Phân nhiệm CĐR và minh chứng đánh giá CĐR của các học phần đồ án trong CTĐT trình độ đại học ..... 19
2.5. Đánh giá về cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học ..... 21
2.5.1. Kết quả khảo sát nhóm đối tượng giảng viên ..... 21
2.5.2. Kết quả khảo sát nhóm đối tượng nhà tuyển dụng ..... 23
2.5.3. Kết quả khảo sát nhóm đối tượng cựu sinh viên và sinh viên ..... 25
2.6. Khảo sát về Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học ..... 28
III. PHẦN KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ ..... 30
3.1. Kết luận ..... 30
3.2. Kiến nghị ..... 31
PHỤ LỤC ..... 32

# DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Số lượng người tham gia trả lời khảo sát ở các nhóm đối tượng ..... 5
Bảng 2. Kết quả khảo sát nhóm giảng viên về mục tiêu của chương trình đào tạo ..... 8
Bảng 3. Kết quả khảo sát nhóm nhà tuyển dụng về mục tiêu của chương trình đào tạo .... 8
Bảng 4. Kết quả khảo sát nhóm cựu sinh viên về mục tiêu của chương trình đào tạo..... 9
Bảng 5. Kết quả khảo sát nhóm sinh viên về mục tiêu của chương trình đào tạo..... 10
Bảng 6. Tổng hợp kết quả trả lời của 4 nhóm đối tượng khảo sát ..... 10
Bảng 7. Kết quả khảo sát nhóm giảng viên về chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.... 12
Bảng 8. Kết quả khảo sát nhóm nhà tuyển dụng về chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ..... 13
Bảng 9. Kết quả khảo sát nhóm cựu sinh viên về chuẩn đầu ra của ..... 14
Bảng 10. Kết quả khảo sát nhóm sinh viên về chuẩn đầu ra của ..... 15
Bảng 11. Kết quả khảo sát nhóm đối tượng giảng viên về Bộ tiêu chí đánh giá kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, năng lực CDIO của CTĐT ..... 18
Bảng 12. Kết quả khảo sát nhóm đối tượng giảng viên về Phân nhiệm CĐR và minh chứng đánh giá CĐR của các học phần đồ án trong CTĐT trình độ đại học ..... 19
Bảng 13. Kết quả khảo sát nhóm giảng viên về cấu trúc và nội dung của ..... 21
Bảng 14. Kết quả khảo sát nhóm nhà tuyển dụng về cấu trúc và nội dung của ..... 23
Bảng 15. Kết quả khảo sát nhóm cựu sinh viên về cấu trúc và nội dung của ..... 25
Bảng 16. Kết quả khảo sát nhóm sinh viên về cấu trúc và nội dung của ..... 26
Bảng 17. Kết quả khảo sát nhóm giảng viên về Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học ..... 28

## I. MỞ ĐẦU

### 1. Lý do thực hiện khảo sát

Trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam đang trong giai đoạn đổi mới căn bản và toàn diện, việc thường xuyên rà soát, đánh giá và cải tiến các chương trình đào tạo (CTĐT) là một yêu cầu cấp thiết và mang tính chiến lược. Hoạt động này không chỉ nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng ngày càng cao mà còn để đảm bảo nguồn nhân lực sau đại học có đủ năng lực đáp ứng sự thay đổi nhanh chóng của thị trường lao động và yêu cầu thực tiễn xã hội.

Nhận thức sâu sắc tầm quan trọng đó, Khoa Giáo dục tiểu học – Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh, với vai trò là một trong những trung tâm đào tạo và nghiên cứu giáo dục uy tín của cả nước, đã triển khai hoạt động khảo sát toàn diện các bên liên quan về CTĐT ngành Giáo dục Tiểu học. Cuộc khảo sát tập trung vào cả hai định hướng đào tạo là Nghiên cứu và Ứng dụng, nhằm thu thập những thông tin phản hồi khách quan và đa chiều.

Kết quả của cuộc khảo sát này là cơ sở khoa học và thực tiễn quan trọng, phục vụ trực tiếp cho công tác điều chỉnh, cập nhật mục tiêu, chuẩn đầu ra và cấu trúc chương trình, từ đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo một cách bền vững.

### 2. Mục tiêu khảo sát

#### 2.1. Mục tiêu chung:

Khảo sát, thu thập và phân tích ý kiến của các bên liên quan nhằm thu được những cơ sở khoa học và thực tiễn đáng tin cậy, phục vụ cho việc cải tiến và nâng cao chất lượng toàn diện của chương trình đào tạo Ngành Giáo dục Tiểu học, định hướng Nghiên cứu và định hướng Ứng dụng.

#### 2.2. Mục tiêu cụ thể:

Để thực hiện mục tiêu chung, cuộc khảo sát tập trung vào các nhiệm vụ cụ thể sau:

– Đánh giá sự rõ ràng và phù hợp của các phẩm chất – năng lực được thể hiện trong mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của CTĐT so với yêu cầu nghề nghiệp.

– Xác định tầm quan trọng và mức độ năng lực cần đạt cho mỗi chuẩn đầu ra (về kiến thức, kỹ năng, phẩm chất) đã được xây dựng trong chương trình.

– Ghi nhận ý kiến đánh giá về sự phù hợp của các vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp mà CTĐT hướng tới.

– Đánh giá mức độ cần thiết của các học phần/chuyên đề được đề xuất trong khung chương trình nhằm đảm bảo tính hiệu quả trong việc đáp ứng mục tiêu và chuẩn đầu ra.

## 3. Đối tượng và phương pháp khảo sát

### 3.1. Đối tượng khảo sát

Khảo sát được thực hiện với bốn nhóm đối tượng chính, bao gồm Giảng viên, Nhà tuyển dụng, Cựu sinh viên và Sinh viên của Chương trình đào tạo đại học chính quy ngành Giáo dục Tiểu học. Việc lựa chọn 4 nhóm này nhằm đảm bảo thu thập ý kiến từ các bên liên quan chính, giúp đánh giá CTĐT một cách toàn diện từ nhiều góc nhìn, cụ thể:

- Giảng viên: Những người trực tiếp tham gia giảng dạy trong CTĐT, có hiểu biết sâu về các phương pháp giảng dạy và yêu cầu chuyên môn, giúp đưa ra nhận xét chi tiết về tính khả thi và phù hợp của chương trình.
- Nhà tuyển dụng: Bao gồm hiệu trưởng, hiệu phó các trường tiểu học và cán bộ quản lý tại các Sở, Phòng Giáo dục, là những người có nhu cầu tuyển dụng lao động và đánh giá chất lượng đầu ra của chương trình.
- Cựu học viên: Các học viên đã tốt nghiệp, hiện đang công tác trong lĩnh vực giáo dục, giúp đánh giá mức độ ứng dụng của chương trình trong thực tiễn công việc.
- Sinh viên: Những người hiện đang trực tiếp thụ hưởng chương trình đào tạo hiện hành.

*Bảng 1. Số lượng người tham gia trả lời khảo sát ở các nhóm đối tượng*

| STT | Nhóm đối tượng | Số lượng |
|---|---|---|
| 1 | Giảng viên | 74 |
| 2 | Nhà tuyển dụng | 65 |
| 3 | Cựu sinh viên | 142 |
| 4 | Sinh viên | 1248 |
| **Tổng số** | | **1529** |

### 3.2. Phương pháp thu thập dữ liệu

Khảo sát được thực hiện bằng phương pháp định lượng thông qua bảng câu hỏi được xây dựng dựa trên các tiêu chí đánh giá mục tiêu, chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo của CTĐT ngành Giáo dục Tiểu học.

Các câu hỏi được thiết kế theo thang đo Likert 5 mức độ để đánh giá tính phù hợp, độ rõ ràng và khả năng đáp ứng của chương trình đào tạo. Phương pháp này cho phép thu thập dữ liệu một cách hệ thống, nhanh chóng từ nhiều nhóm đối tượng khác nhau, đảm bảo

đại diện đa dạng cho các góc nhìn từ các giảng viên, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên và sinh viên.

### 3.3 Công cụ và cách thức khảo sát

Google Forms được sử dụng làm công cụ khảo sát chính, cho phép tạo các câu hỏi với thang đo Likert theo 5 mức độ. Dữ liệu từ Google Forms được xuất ra file Excel để thuận tiện cho việc phân tích, thống kê và đánh giá độ tin cậy. Việc lưu trữ dữ liệu dưới dạng bảng tính giúp dễ dàng thao tác, lọc và đối chiếu các kết quả khảo sát giữa các nhóm đối tượng, phục vụ cho các phân tích chuyên sâu tiếp theo.

### 1.2.3. Phương pháp xử lý dữ liệu

Dữ liệu khảo sát được xử lý qua các bước và phương pháp thống kê nhằm đảm bảo độ chính xác và tính tin cậy của kết quả phân tích. Các phương pháp cụ thể được sử dụng như sau:

- ***Phương pháp thống kê mô tả:*** Sử dụng các chỉ số trung bình, tần suất, phần trăm để mô tả đặc điểm và xu hướng của dữ liệu từ từng nhóm đối tượng tham gia khảo sát. Phương pháp này giúp làm rõ mức độ đồng thuận, sự khác biệt, và những xu hướng chung trong các phản hồi.
- ***Phương pháp phân tích so sánh:*** Để so sánh ý kiến đánh giá của các nhóm đối tượng khác nhau, phân tích so sánh sẽ được áp dụng để nhận diện những điểm tương đồng và khác biệt giữa các nhóm về tính phù hợp, rõ ràng, và khả năng ứng dụng của chương trình đào tạo.
- ***Đánh giá độ tin cậy của phản hồi:*** Trong quá trình phân tích, một số biện pháp được áp dụng để đảm bảo độ tin cậy của dữ liệu:

- *Kiểm tra thời gian hoàn thành khảo sát:* Xem xét thời gian hoàn thành từng bảng khảo sát để loại trừ các phản hồi được hoàn thành quá nhanh, có thể là dấu hiệu của việc trả lời ngẫu nhiên.
- *Phân tích sự nhất quán trong câu trả lời:* Các câu hỏi có nội dung tương tự hoặc ngược hướng sẽ được phân tích để phát hiện sự nhất quán trong phản hồi. Phản hồi không nhất quán có thể phản ánh sự thiếu tập trung hoặc trả lời không nghiêm túc.
- *Kiểm tra mẫu trả lời lặp lại:* Các câu trả lời lặp lại mẫu chọn cố định cho mọi câu hỏi sẽ được lưu ý, vì điều này có thể là dấu hiệu của việc trả lời thiếu chính xác.

Các phương pháp trên đảm bảo rằng dữ liệu khảo sát có độ tin cậy cao và kết quả phân tích phản ánh trung thực các ý kiến từ các nhóm đối tượng, từ đó làm cơ sở vững chắc cho các nhận định và đề xuất cải tiến chương trình đào tạo.

## 4. Nội dung khảo sát

Nội dung phiếu khảo sát được cấu trúc thành các phần chính sau dành cho tất cả các đối tượng được lấy ý kiến:

- Khảo sát về Mục tiêu của CTĐT;
- Khảo sát về Chuẩn đầu ra của CTĐT;
- Khảo sát về Nội dung CTĐT;

Ngoài ra, với đối tượng giảng viên, phiếu khảo sát còn thu thập thông tin về:

- Bộ tiêu chí đánh giá kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, năng lực CDIO của CTĐT giáo viên trình độ đại học;
- Phân nhiệm CĐR và minh chứng đánh giá CĐR của các học phần đồ án trong CTĐT trình độ đại học;
- Khảo sát về Bản mô tả CTĐT.

## II. KẾT QUẢ KHẢO SÁT VÀ PHÂN TÍCH

### 2.1. Đánh giá về Mục tiêu Chương trình đào tạo

Kết quả khảo sát từ các nhóm đối tượng được thống kê trong các bảng sau:

*Bảng 2. Kết quả khảo sát nhóm giảng viên về mục tiêu của chương trình đào tạo*

| **Nội dung câu hỏi** | **Phương án trả lời** | | | | | **Điểm trung bình** |
|---|---|---|---|---|---|---|
| ***Mục tiêu của Chương trình đào tạo trình độ đại học:*** | ***Hoàn toàn đồng ý*** | ***Đồng ý*** | ***Đồng ý một phần*** | ***Không đồng ý*** | ***Hoàn toàn không đồng ý*** | |
| 1. Rõ ràng, dễ hiểu, tương thích với tầm nhìn và sứ mạng của Trường Đại học Vinh | 59% | 24% | 3% | 12% | 1% | **1.72** |
| 2. Phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học theo quy định tại Luật Giáo dục đại học hiện hành | 50% | 34% | 1% | 14% | 1% | **1.82** |
| 3. Mang tính đặc thù của ngành đào tạo | 51% | 32% | 1% | 7% | 8% | **1.88** |
| 4. Phản ánh được năng lực và trình độ nghề nghiệp của người học sau khi tốt nghiệp | 41% | 43% | 3% | 12% | 1% | **1.91** |
| 5. Đáp ứng được nhu cầu xã hội | 39% | 43% | 7% | 4% | 7% | **1.96** |

*Bảng 3. Kết quả khảo sát nhóm nhà tuyển dụng về mục tiêu của chương trình đào tạo*

| **Nội dung câu hỏi** | **Phương án trả lời** | | | | | **Điểm trung bình** |
|---|---|---|---|---|---|---|
| ***Mục tiêu của Chương trình đào tạo trình độ đại học:*** | ***Hoàn toàn đồng ý*** | ***Đồng ý*** | ***Đồng ý một phần*** | ***Không đồng ý*** | ***Hoàn toàn không đồng ý*** | |
| 1. Rõ ràng, dễ hiểu, tương thích với tầm nhìn và sứ mạng của Trường Đại học Vinh | 54% | 43% | 0% | 2% | 2% | **1.54** |
| 2. Phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học theo quy định tại Luật Giáo dục đại học hiện hành | 62% | 35% | 0% | 2% | 2% | **1.46** |

| Nội dung câu hỏi | Phương án trả lời | | | | | Điểm trung bình |
|---|---|---|---|---|---|---|
| ***Mục tiêu của Chương trình đào tạo trình độ đại học:*** | ***Hoàn toàn đồng ý*** | ***Đồng ý*** | ***Đồng ý một phần*** | ***Không đồng ý*** | ***Hoàn toàn không đồng ý*** | |
| 3. Mang tính đặc thù của ngành đào tạo | 66% | 29% | 0% | 2% | 3% | **1.46** |
| 4. Phản ánh được năng lực và trình độ nghề nghiệp của người học sau khi tốt nghiệp | 60% | 37% | 0% | 0% | 3% | **1.49** |
| 5. Đáp ứng được nhu cầu xã hội | 58% | 37% | 2% | 0% | 3% | **1.52** |

*Bảng 4. Kết quả khảo sát nhóm cựu sinh viên về mục tiêu của chương trình đào tạo*

| Nội dung câu hỏi | Phương án trả lời | | | | | Điểm trung bình |
|---|---|---|---|---|---|---|
| ***Mục tiêu của Chương trình đào tạo trình độ đại học:*** | ***Hoàn toàn đồng ý*** | ***Đồng ý*** | ***Đồng ý một phần*** | ***Không đồng ý*** | ***Hoàn toàn không đồng ý*** | |
| 1. Rõ ràng, dễ hiểu, tương thích với tầm nhìn và sứ mạng của Trường Đại học Vinh | 75% | 16% | 1% | 4% | 4% | **1.45** |
| 2. Phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học theo quy định tại Luật Giáo dục đại học hiện hành | 73% | 18% | 1% | 2% | 6% | **1.49** |
| 3. Mang tính đặc thù của ngành đào tạo | 75% | 16% | 0% | 4% | 5% | **1.46** |
| 4. Phản ánh được năng lực và trình độ nghề nghiệp của người học sau khi tốt nghiệp | 73% | 18% | 1% | 3% | 5% | **1.49** |
| 5. Đáp ứng được nhu cầu xã hội | 74% | 16% | 2% | 2% | 6% | **1.49** |

*Bảng 5. Kết quả khảo sát nhóm sinh viên về mục tiêu của chương trình đào tạo*

| **Nội dung câu hỏi** | **Phương án trả lời** | | | | | **Điểm trung bình** |
|---|---|---|---|---|---|---|
| ***Mục tiêu của Chương trình đào tạo trình độ đại học:*** | ***Hoàn toàn đồng ý*** | ***Đồng ý*** | ***Đồng ý một phần*** | ***Không đồng ý*** | ***Hoàn toàn không đồng ý*** | |
| 1. Rõ ràng, dễ hiểu, tương thích với tầm nhìn và sứ mạng của Trường Đại học Vinh | 59% | 29% | 4% | 2% | 5% | **1.67** |
| 2. Phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học theo quy định tại Luật Giáo dục đại học hiện hành | 57% | 31% | 4% | 3% | 6% | **1.69** |
| 3. Mang tính đặc thù của ngành đào tạo | 58% | 29% | 5% | 2% | 6% | **1.68** |
| 4. Phản ánh được năng lực và trình độ nghề nghiệp của người học sau khi tốt nghiệp | 54% | 33% | 5% | 3% | 5% | **1.71** |
| 5. Đáp ứng được nhu cầu xã hội | 56% | 30% | 5% | 3% | 5% | **1.71** |

*Bảng 6. Tổng hợp kết quả trả lời của 4 nhóm đối tượng khảo sát*

| ***Nội dung câu hỏi*** | ***Điểm trung bình*** | | | |
|---|---|---|---|---|
| ***Mục tiêu của Chương trình đào tạo trình độ đại học:*** | ***Giảng viên*** | ***Nhà tuyển dụng*** | ***Cựu sinh viên*** | ***Sinh viên*** |
| 1. Rõ ràng, dễ hiểu, tương thích với tầm nhìn và sứ mạng của Trường Đại học Vinh | **1.72** | **1.54** | **1.45** | **1.67** |
| 2. Phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học theo quy định tại Luật Giáo dục đại học hiện hành | **1.82** | **1.46** | **1.49** | **1.69** |
| 3. Mang tính đặc thù của ngành đào tạo | **1.88** | **1.46** | **1.46** | **1.68** |
| 4. Phản ánh được năng lực và trình độ nghề nghiệp của người học sau khi tốt nghiệp | **1.91** | **1.49** | **1.49** | **1.71** |
| 5. Đáp ứng được nhu cầu xã hội | **1.96** | **1.52** | **1.49** | **1.71** |
| **Điểm đánh giá trung bình 5 tiêu chí** | **1.86** | **1.49** | **1.48** | **1.69** |

Nhìn chung, tất cả bốn nhóm đối tượng đều có những đánh giá tích cực về các mục tiêu của chương trình đào tạo. Điểm trung bình của tất cả các tiêu chí trong khảo sát đều dưới 2.0, cho thấy mức độ đồng thuận cao.

Tuy nhiên, có sự khác biệt đáng chú ý trong mức độ đánh giá giữa các nhóm. Cụ thể:

- Nhóm Nhà tuyển dụng và Cựu sinh viên thể hiện sự hài lòng và đồng tình cao nhất, với các điểm trung bình dao động từ 1.45 đến 1.54.
- Nhóm Sinh viên có đánh giá tích cực, với điểm số từ 1.67 đến 1.71.
- Nhóm Giảng viên là nhóm có điểm trung bình cao nhất (thể hiện mức độ đồng tình thấp hơn so với các nhóm còn lại), dao động từ 1.72 đến 1.96. Điều này có thể cho thấy giảng viên, với vai trò là người trực tiếp triển khai chương trình, có cái nhìn khắt khe và nhận thấy những điểm cần cải thiện rõ ràng hơn.

***Tính rõ ràng, dễ hiểu, tương thích với tầm nhìn và sứ mạng của Trường Đại học Vinh:***

Đây là tiêu chí nhận được sự đồng thuận cao từ tất cả các nhóm. Nhóm Cựu sinh viên đánh giá cao nhất với 91% lựa chọn "Đồng ý" và "Hoàn toàn đồng ý" (điểm trung bình 1.45).

- Nhóm Nhà tuyển dụng cũng đánh giá rất cao với 97% ý kiến đồng thuận (điểm trung bình 1.54).
- Giảng viên, mặc dù vẫn đồng tình (83% đồng ý và hoàn toàn đồng ý), nhưng lại là nhóm có tỷ lệ "Không đồng ý" cao nhất (12%).

***Phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học theo quy định tại Luật Giáo dục đại học hiện hành:***

- Nhóm Nhà tuyển dụng và Cựu sinh viên tiếp tục là hai nhóm đánh giá tích cực nhất, với điểm trung bình lần lượt là 1.46 và 1.49. Có tới 97% nhà tuyển dụng và 91% cựu sinh viên đồng ý với tiêu chí này.
- Giảng viên có điểm trung bình cao nhất là 1.82, với 14% không đồng ý.

***Mang tính đặc thù của ngành đào tạo:***

- Tiêu chí này tiếp tục nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ từ Nhà tuyển dụng (điểm 1.46) và Cựu sinh viên (điểm 1.46). Đặc biệt, 95% nhà tuyển dụng đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý rằng CTĐT mang tính đặc thù của ngành.
- Sinh viên và giảng viên cũng đánh giá cao, với điểm trung bình lần lượt là 1.68 và 1.88.

***Phản ánh được năng lực và trình độ nghề nghiệp của người học sau khi tốt nghiệp:***

- Nhà tuyển dụng, Cựu sinh viên và Sinh viên đều có chung quan điểm tích cực, với điểm số dao động từ 1.49 đến 1.71. Đáng chú ý, 97% nhà tuyển dụng tin rằng mục tiêu CTĐT phản ánh được năng lực của sinh viên sau tốt nghiệp.
- Giảng viên là nhóm có đánh giá dè dặt hơn (điểm 1.91), cho thấy họ có thể cảm nhận được khoảng cách giữa mục tiêu đề ra và năng lực thực tế của sinh viên.

***Đáp ứng được nhu cầu xã hội:***

- Đây là tiêu chí có điểm trung bình cao nhất (ít đồng thuận nhất) ở nhóm Giảng viên (1.96) và Sinh viên (1.71).
- Ngược lại, nhóm Nhà tuyển dụng và Cựu sinh viên lại rất lạc quan về tiêu chí này. 95% nhà tuyển dụng và 90% cựu sinh viên cho rằng mục tiêu CTĐT đáp ứng được nhu cầu xã hội. Sự khác biệt này là một điểm rất đáng lưu ý, cho thấy có thể tồn tại một khoảng cách trong nhận thức giữa những người trong và ngoài trường.

Kết luận: Mục tiêu của các chương trình đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Vinh được các bên liên quan, đặc biệt là Nhà tuyển dụng và Cựu sinh viên, đánh giá rất cao về tính rõ ràng, phù hợp và khả năng đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Điều này khẳng định sự thành công trong khâu thiết kế mục tiêu của Nhà trường.

Điểm cần lưu ý: Tồn tại sự khác biệt trong đánh giá giữa nhóm Giảng viên và các nhóm còn lại. Giảng viên có xu hướng đánh giá khắt khe hơn, đặc biệt ở các tiêu chí về "phản ánh năng lực người học" và "đáp ứng nhu cầu xã hội"..

### 2.2. Đánh giá về Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Giáo dục Tiểu học

*Bảng 7. Kết quả khảo sát nhóm giảng viên về chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Nội dung câu hỏi** | **Phương án trả lời** | | | | | **Điểm trung bình** |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo trình độ đại học** | ***Hoàn toàn đồng ý*** | ***Đồng ý*** | ***Đồng ý một phần*** | ***Không đồng ý*** | ***Hoàn toàn không đồng ý*** | |
| 1. Tương thích với mục tiêu của CTĐT | 50% | 35% | 3% | 12% | 0% | **1.77** |
| 2. CĐR phản ánh tầm nhìn, sứ mạng và triết lý giáo dục của Nhà trường | 50% | 32% | 3% | 9% | 5% | **1.88** |
| 3. CĐR bao gồm đầy đủ chuẩn đầu ra chung (generic PLOs) và chuẩn đầu ra chuyên ngành (subject-specific PLOs) | 41% | 45% | 1% | 11% | 3% | **1.91** |
| 4. CĐR rõ ràng và đo lường được | 39% | 43% | 5% | 8% | 4% | **1.95** |

| Nội dung câu hỏi | Phương án trả lời | | | | | Điểm trung bình |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo trình độ đại học** | ***Hoàn toàn đồng ý*** | ***Đồng ý*** | ***Đồng ý một phần*** | ***Không đồng ý*** | ***Hoàn toàn không đồng ý*** | |
| 5. Tương thích với khung trình độ quốc gia | 39% | 42% | 4% | 9% | 5% | **2.00** |
| 6. CĐR phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan | 35% | 46% | 5% | 8% | 5% | **2.03** |
| 7. CĐR được chuyển tải đầy đủ vào CTĐT | 46% | 35% | 4% | 12% | 3% | **1.91** |
| 8. Thầy/cô được phổ biến, góp ý về CĐR | 42% | 42% | 3% | 8% | 5% | **1.93** |

*Bảng 8. Kết quả khảo sát nhóm nhà tuyển dụng về chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| Nội dung câu hỏi | Phương án trả lời | | | | | Điểm trung bình |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo trình độ đại học** | ***Hoàn toàn đồng ý*** | ***Đồng ý*** | ***Đồng ý một phần*** | ***Không đồng ý*** | ***Hoàn toàn không đồng ý*** | |
| 1. Chuẩn đầu ra phản ánh đúng yêu cầu năng lực của sinh viên khi làm việc thực tế tại cơ sở thực tập | 69% | 26% | 2% | 2% | 2% | **1.40** |
| 2. Chuẩn đầu ra đáp ứng được yêu cầu tuyển dụng và phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực chuyên môn | 69% | 28% | 0% | 2% | 2% | **1.38** |

| Nội dung câu hỏi | Phương án trả lời | | | | | Điểm trung bình |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo trình độ đại học** | ***Hoàn toàn đồng ý*** | ***Đồng ý*** | ***Đồng ý một phần*** | ***Không đồng ý*** | ***Hoàn toàn không đồng ý*** | |
| 3. Chuẩn đầu ra thể hiện rõ kiến thức, kỹ năng, phẩm chất nghề nghiệp cần có | 63% | 34% | 0% | 0% | 3% | **1.46** |
| 4. Chuẩn đầu ra rõ ràng, có thể đo lường, đánh giá được | 65% | 31% | 2% | 0% | 3% | **1.46** |
| 5. Chuẩn đầu ra được thiết kế phù hợp với sự phát triển của ngành và nhu cầu xã hội | 62% | 35% | 0% | 2% | 2% | **1.46** |

*Bảng 9. Kết quả khảo sát nhóm cựu sinh viên về chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| Nội dung câu hỏi | Phương án trả lời | | | | | Điểm trung bình |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo trình độ đại học** | ***Hoàn toàn đồng ý*** | ***Đồng ý*** | ***Đồng ý một phần*** | ***Không đồng ý*** | ***Hoàn toàn không đồng ý*** | |
| 1. Tương thích với mục tiêu của CTĐT | 75% | 17% | 1% | 4% | 4% | **1.46** |
| 2. CĐR phản ánh tầm nhìn, sứ mạng và triết lý giáo dục của Nhà trường | 72% | 19% | 1% | 5% | 4% | **1.49** |
| 3. CĐR bao gồm đầy đủ chuẩn đầu ra chung (generic PLOs) và chuẩn đầu | 71% | 20% | 1% | 3% | 5% | **1.50** |

| Nội dung câu hỏi | Phương án trả lời | | | | | Điểm trung bình |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo trình độ đại học** | ***Hoàn toàn đồng ý*** | ***Đồng ý*** | ***Đồng ý một phần*** | ***Không đồng ý*** | ***Hoàn toàn không đồng ý*** | |
| ra chuyên ngành (subject-specific PLOs) | | | | | | |
| 4. CĐR rõ ràng và đo lường được | 71% | 20% | 1% | 4% | 4% | **1.50** |
| 5. CĐR phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan | 73% | 18% | 2% | 2% | 5% | **1.48** |
| 6. CĐR được chuyển tải đầy đủ vào CTĐT | 73% | 18% | 1% | 4% | 4% | **1.46** |
| 7 Anh/chị được phổ biến, góp ý về CĐR | 73% | 18% | 0% | 5% | 4% | **1.47** |

*Bảng 10. Kết quả khảo sát nhóm sinh viên về chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| Nội dung câu hỏi | Phương án trả lời | | | | | Điểm trung bình |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo trình độ đại học** | ***Hoàn toàn đồng ý*** | ***Đồng ý*** | ***Đồng ý một phần*** | ***Không đồng ý*** | ***Hoàn toàn không đồng ý*** | |
| 1. Tương thích với mục tiêu của CTĐT | 58% | 30% | 4% | 3% | 5% | **1.67** |
| 2. CĐR phản ánh tầm nhìn, sứ mạng và triết lý giáo dục của Nhà trường | 53% | 35% | 4% | 3% | 5% | **1.73** |
| 3. CĐR bao gồm đầy đủ chuẩn đầu ra chung (generic PLOs) và chuẩn đầu | 54% | 32% | 4% | 4% | 5% | **1.73** |

| Nội dung câu hỏi | Phương án trả lời | | | | | Điểm trung bình |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo trình độ đại học** | ***Hoàn toàn đồng ý*** | ***Đồng ý*** | ***Đồng ý một phần*** | ***Không đồng ý*** | ***Hoàn toàn không đồng ý*** | |
| ra chuyên ngành (subject-specific PLOs) | | | | | | |
| 4. CĐR rõ ràng và đo lường được | 52% | 34% | 6% | 4% | 5% | **1.77** |
| 5. CĐR phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan | 53% | 33% | 6% | 4% | 5% | **1.76** |
| 6. CĐR được chuyển tải đầy đủ vào CTĐT | 52% | 34% | 5% | 3% | 5% | **1.74** |
| 7 Anh/chị được phổ biến, góp ý về CĐR | 53% | 33% | 5% | 4% | 5% | **1.74** |

Kết quả khảo sát phản ánh một cái nhìn rất tích cực về CĐR của chương trình đào tạo, với tất cả các điểm trung bình (ĐTB) đều nằm dưới 2.03, cho thấy sự đồng thuận ở mức "Đồng ý" trở lên. Tuy nhiên, tồn tại sự khác biệt có ý nghĩa về mức độ hài lòng giữa các nhóm đối tượng:

Đồng thuận cao nhất (ĐTB thấp nhất): Nhóm Nhà tuyển dụng (ĐTB: 1.38−1.46) và Cựu sinh viên (ĐTB: 1.46−1.50). Sự hài lòng gần như tuyệt đối này củng cố tính thực tiễn và phù hợp của CĐR với nhu cầu thị trường và kinh nghiệm sau tốt nghiệp.

Đồng thuận tích cực: Nhóm Sinh viên (ĐTB: 1.67−1.77).

Đồng thuận thận trọng (ĐTB cao nhất): Nhóm Giảng viên (ĐTB: 1.77−2.03).

***Tính phù hợp và đáp ứng yêu cầu thực tiễn***

Khía cạnh này là điểm mạnh nổi bật của CĐR, đặc biệt dưới góc độ của thị trường lao động.

- Nhà tuyển dụng đánh giá cao nhất về:

+ CĐR đáp ứng yêu cầu tuyển dụng và phát triển nghề nghiệp (ĐTB: 1.38).

+ CĐR phản ánh đúng yêu cầu năng lực của sinh viên khi làm việc thực tế (ĐTB: 1.40).

- Cựu sinh viên cũng đồng tình mạnh mẽ rằng CĐR tương thích với mục tiêu của CTĐT (ĐTB: 1.46). Tuy nhiên, tiêu chí "CĐR phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan" có sự khác biệt rõ rệt trong nhận thức:

+ CSV đồng ý cao (ĐTB: 1.48).

+ GV lại có ĐTB cao nhất trong toàn bộ khảo sát của nhóm mình (ĐTB: 2.03). Điều này cho thấy Giảng viên, những người trực tiếp triển khai, chưa hoàn toàn tin tưởng vào mức độ tích hợp đầy đủ yêu cầu đa chiều từ các bên liên quan vào CĐR.

***Tính rõ ràng, đầy đủ và khả năng đo lường***

- Tính minh bạch và khả năng đánh giá của CĐR là khía cạnh có ĐTB cao (ít đồng thuận) nhất đối với Giảng viên.

- Tiêu chí "CĐR rõ ràng và đo lường được":

+ Được nhóm nhà tuyển dụng (ĐTB: 1.46) và cựu sinh viên (ĐTB: 1.50) đánh giá rất cao.

+ Có ĐTB cao hơn đáng kể ở Sinh viên (ĐTB: 1.77) và Giảng viên (ĐTB: 1.95). Điều này chỉ ra rằng, đối với người học và người dạy, các tiêu chí đánh giá CĐR có thể chưa đủ cụ thể và lượng hóa để dễ dàng thực hiện và kiểm chứng.

- Tiêu chí "Tương thích với khung trình độ quốc gia" (Chỉ có ở GV): Đạt ĐTB cao (ĐTB: 2.00), cho thấy đây là một vấn đề cần được làm rõ và điều chỉnh để đảm bảo tuân thủ và nâng cao chất lượng theo chuẩn mực quốc gia.

***Công tác phổ biến và triển khai CĐR***

Kết quả cho thấy sự nỗ lực trong việc truyền thông và thực thi CĐR.

- Về việc "được phổ biến, góp ý về CĐR": Tất cả ba nhóm liên quan (GV, CSV, SV) đều ghi nhận ở mức đồng thuận cao (ĐTB lần lượt là 1.93, 1.47, 1.74).

- Về việc "CĐR được chuyển tải đầy đủ vào CTĐT":

+ Cựu sinh viên và sinh viên có niềm tin lớn (ĐTB: 1.46 và 1.74).

+ Giảng viên, người trực tiếp chuyển tải, lại đánh giá thận trọng hơn (ĐTB: 1.91).

***Kết luận chung***

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo là một cấu phần mạnh của CTĐT, được xác nhận bởi mức độ đồng thuận cao từ tất cả các bên liên quan, đặc biệt là nhóm Nhà tuyển dụng và Cựu sinh viên về tính thực tiễn và phù hợp với nghề nghiệp.

### 2.3. Bộ tiêu chí đánh giá kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, năng lực CDIO của CTĐT giáo viên tiểu học trình độ đại học

Nội dung khảo sát về Bộ tiêu chí đánh giá kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, năng lực CDIO của CTĐT được dành riêng cho đối tượng giảng viên.

*Bảng 11. Kết quả khảo sát nhóm đối tượng giảng viên về Bộ tiêu chí đánh giá kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, năng lực CDIO của CTĐT*

| **Nội dung câu hỏi** | **Phương án trả lời** | | | | | **Điểm trung bình** |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Bộ tiêu chí đánh giá kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, năng lực CDIO của CTĐT giáo viên trình độ đại học** | ***Hoàn toàn đồng ý*** | ***Đồng ý*** | ***Đồng ý một phần*** | ***Không đồng ý*** | ***Hoàn toàn không đồng ý*** | |
| 1. Đo lường được mức độ đạt được CĐR của người học | 39% | 45% | 3% | 14% | 0% | **1.91** |
| 2. Có tính khả thi, dễ thực hiện | 36% | 46% | 3% | 11% | 4% | **2.00** |
| 3. Có cấu trúc khoa học, hợp lí | 38% | 46% | 1% | 11% | 4% | **1.97** |
| 4. Sử dụng đúng các động từ thể hiện các mức năng lực theo tháng đo năng lực Bloom | 39% | 42% | 5% | 7% | 7% | **2.00** |
| 5. Bao quát được yêu cầu của các CĐR | 42% | 43% | 4% | 7% | 4% | **1.88** |

Kết quả cho thấy Giảng viên nhìn chung có sự đồng thuận ở mức cao đối với Bộ tiêu chí, với tất cả các ĐTB đều nằm dưới 2.00, cụ thể là từ 1.88 đến 2.00. Mức độ đồng ý chung cho thấy Bộ tiêu chí này đã được xây dựng một cách có cơ sở và nhận được sự chấp nhận đáng kể từ đội ngũ triển khai trực tiếp.

***Phân tích chi tiết theo tiêu chí***

*a. Tính toàn diện và bao quát*

- Tiêu chí có ĐTB thấp nhất (tốt nhất) là khả năng "Bao quát được yêu cầu của các CĐR" với 1.88.

- Khoảng 85% Giảng viên (42% Hoàn toàn đồng ý + 43% Đồng ý) nhận thấy Bộ tiêu chí bao trùm đầy đủ các yêu cầu của Chuẩn đầu ra.

*b. Khả năng đo lường và cấu trúc*

- Tiêu chí về khả năng "Đo lường được mức độ đạt được CĐR của người học" đạt ĐTB 1.91.

- Tiêu chí về "Cấu trúc khoa học, hợp lí" đạt ĐTB 1.97.

- Mức độ đồng thuận cao (tổng cộng 84% đồng ý về khả năng đo lường và 84% đồng ý về cấu trúc) củng cố rằng Bộ tiêu chí được thiết kế với nền tảng khoa học vững chắc và phục vụ tốt cho việc đánh giá.

*c. Tính khả thi và sự phù hợp ngôn ngữ*

- Hai tiêu chí có ĐTB cao nhất, chạm mức 2.00, là những khía cạnh mà Giảng viên có sự cân nhắc nhiều nhất:

- "Có tính khả thi, dễ thực hiện" (ĐTB: 2.00): Mặc dù đa số (82%) đồng ý, nhưng đây là một trong hai điểm có ĐTB cao nhất, cho thấy Giảng viên nhận thấy vẫn còn những thách thức trong quá trình thực tế triển khai Bộ tiêu chí. 15% Giảng viên (11% Không đồng ý + 4% Hoàn toàn không đồng ý) chưa hài lòng về tính khả thi.

- "Sử dụng đúng các động từ thể hiện các mức năng lực theo thang đo năng lực Bloom" (ĐTB: 2.00): Đây là một tiêu chí mang tính kỹ thuật cao, và việc ĐTB đạt 2.00 cho thấy một bộ phận Giảng viên còn băn khoăn về sự chính xác trong việc sử dụng ngôn ngữ hành động phù hợp với thang Bloom.

***Kết luận chung***

Bộ tiêu chí đánh giá nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ từ nhóm giảng viên về tính bao quát và cấu trúc khoa học, khẳng định vai trò của nó trong việc đánh giá CĐR. Tuy nhiên, tồn tại một số vướng mắc về tính khả thi trong thực tế triển khai và sự chuẩn hóa về mặt ngôn ngữ theo thang đo năng lực Bloom.

### 2.4. Phân nhiệm CĐR và minh chứng đánh giá CĐR của các học phần đồ án trong CTĐT ngành Giáo dục Tiểu học trình độ đại học

Nội dung khảo sát về Phân nhiệm CĐR và minh chứng đánh giá CĐR của các học phần đồ án trong CTĐT trình độ đại học được dành riêng cho đối tượng giảng viên.

*Bảng 12. Kết quả khảo sát nhóm đối tượng giảng viên về Phân nhiệm CĐR và minh chứng đánh giá CĐR của các học phần đồ án trong CTĐT trình độ đại học*

| **Nội dung câu hỏi** | **Phương án trả lời** | | | | | ***Điểm trung bình*** |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Phân nhiệm CĐR và minh chứng đánh giá CĐR của các học phần đồ án trong CTĐT giáo viên trình độ đại học** | ***Hoàn toàn đồng ý*** | ***Đồng ý*** | ***Đồng ý một phần*** | ***Không đồng ý*** | ***Hoàn toàn không đồng ý*** | |
| 1. Bảo đảm tính logic, khoa học | 38% | 46% | 1% | 14% | 1% | **1.95** |
| 2. Xác định rõ mức độ đóng góp của từng học phần đồ án cho CĐR CTĐT | 42% | 39% | 3% | 12% | 4% | **1.97** |
| 3. Số lượng, loại CĐR phân nhiệm cho từng học phần đồ án phù hợp với nội dung và hình thức tổ chức dạy học, KTĐG | 36% | 45% | 4% | 9% | 5% | **2.03** |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 4. Các yêu cầu về minh chứng phù hợp với yêu cầu đánh giá CĐR | 41% | 43% | 3% | 7% | 7% | **1.96** |
| 5. Mỗi học phần đồ án có sự đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CĐR của CTĐT. | 43% | 38% | 4% | 11% | 4% | **1.95** |
| 6. Số lượng học phần đồ án phù hợp với yêu cầu của CTĐT | 45% | 38% | 5% | 9% | 3% | **1.88** |

Giảng viên thể hiện mức độ đồng thuận cao đối với việc phân nhiệm và minh chứng đánh giá CĐR trong học phần đồ án. Các ĐTB đều nằm trong khoảng từ 1.88 đến 2.03, cho thấy sự chấp nhận về nguyên tắc và cấu trúc của quy trình này.

Điểm trung bình tốt nhất là 1.88, và điểm trung bình cao nhất (ít đồng thuận nhất) là 2.03.

***Phân tích chi tiết theo tiêu chí***

*a. Tính phù hợp về số lượng và đóng góp*

- Tiêu chí có ĐTB thấp nhất (tốt nhất) là "Số lượng học phần đồ án phù hợp với yêu cầu của CTĐT" với 1.88.

- Điều này cho thấy Giảng viên đồng ý rằng khối lượng và số lượng học phần đồ án được thiết kế cân đối với tổng thể chương trình.

- Khả năng "Mỗi học phần đồ án có sự đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CĐR của CTĐT" cũng nhận được sự đồng thuận cao (ĐTB: 1.95).

*b. Tính logic, minh chứng và xác định đóng góp*

Các tiêu chí sau đều nhận được sự đồng thuận rất tích cực (ĐTB dưới 2.00):

- Khả năng "Bảo đảm tính logic, khoa học" của phân nhiệm (ĐTB: 1.95).

- "Các yêu cầu về minh chứng phù hợp với yêu cầu đánh giá CĐR" (ĐTB: 1.96).

- Khả năng "Xác định rõ mức độ đóng góp của từng học phần đồ án cho CĐR CTĐT" (ĐTB: 1.97).

- Tổng thể, Giảng viên đánh giá cao tính chặt chẽ về mặt khoa học và quy trình trong việc thiết kế các học phần đồ án.

*c. Phân nhiệm theo nội dung*

Tiêu chí có ĐTB cao nhất là "Số lượng, loại CĐR phân nhiệm cho từng học phần đồ án phù hợp với nội dung và hình thức tổ chức dạy học, KTĐG" với 2.03.

Đây là tiêu chí duy nhất có ĐTB vượt qua 2.00, cho thấy Giảng viên, mặc dù đồng ý về nguyên tắc, nhưng có sự băn khoăn về mối liên hệ cụ thể giữa số lượng/loại CĐR được giao với nội dung chi tiết và phương pháp giảng dạy/kiểm tra đánh giá của từng học phần đồ án. Khoảng 14% Giảng viên (9% Không đồng ý +5% Hoàn toàn không đồng ý) không đồng ý với sự phù hợp này.

***Kết luận chung***

Quy trình phân nhiệm CĐR và thiết kế minh chứng đánh giá cho các học phần đồ án trong CTĐT được Giảng viên đánh giá là có tính khoa học, logic và đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CĐR chung của chương trình. Vấn đề chính cần lưu ý là sự phù hợp về mặt định lượng và định tính của CĐR được phân nhiệm cho từng học phần cụ thể so với nội dung và phương pháp tổ chức giảng dạy.

### 2.5. Đánh giá về cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học

#### 2.5.1. Kết quả khảo sát nhóm đối tượng giảng viên

*Bảng 13. Kết quả khảo sát nhóm giảng viên về cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo*

| **Nội dung câu hỏi** | **Phương án trả lời** | | | | | **Điểm trung bình** |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo** | ***Hoàn toàn đồng ý*** | ***Đồng ý*** | ***Đồng ý một phần*** | ***Không đồng ý*** | ***Hoàn toàn không đồng ý*** | |
| 1. Nội dung, cấu trúc CTĐT bao gồm đầy đủ các học phần đại cương, nhóm ngành, cơ sở ngành, chuyên ngành | 47% | 38% | 1% | 14% | 0% | **1.81** |
| 2. Nội dung CTĐT được đánh giá định kỳ nhằm đảm bảo tính chặt chẽ, hệ thống và cập nhật. | 42% | 42% | 1% | 11% | 4% | **1.93** |
| 3. Nội dung CTĐT có tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành hợp lý theo cấu trúc chuẩn đầu ra của CTĐT. | 41% | 41% | 3% | 9% | 7% | **2.01** |
| 4. Mỗi học phần có sự đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CĐR của CTĐT. | 36% | 45% | 3% | 11% | 5% | **2.04** |
| 5. Số lượng học phần, số lượng tín chỉ của CTĐT là phù hợp | 47% | 35% | 4% | 8% | 5% | **1.89** |
| 6. Thời gian đào tạo của CTĐT là phù hợp | 41% | 41% | 3% | 7% | 9% | **2.04** |
| 7. Thầy/Cô được tham gia thảo luận, phát triển chương trình đào tạo qua các hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp | 45% | 39% | 1% | 12% | 3% | **1.89** |

| Nội dung câu hỏi | Phương án trả lời | | | | | Điểm trung bình |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo** | ***Hoàn toàn đồng ý*** | ***Đồng ý*** | ***Đồng ý một phần*** | ***Không đồng ý*** | ***Hoàn toàn không đồng ý*** | |
| 8. Thầy/Cô hiểu rõ các yêu cầu và đã triển khai xây dựng, cập nhật, phổ biến đề cương học phần cho người học. | 43% | 41% | 4% | 11% | 1% | **1.86** |
| 9. Đề cương học phần cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học đạt được CĐR của học phần | 46% | 38% | 3% | 12% | 1% | **1.85** |

Giảng viên thể hiện mức độ đồng thuận cao đối với Cấu trúc và Nội dung CTĐT, với hầu hết các ĐTB nằm dưới 2.00, cụ thể trong khoảng từ 1.81 đến 2.04.

Các tiêu chí liên quan đến vấn đề nội bộ và tổ chức (như đề cương học phần, khối lượng học phần, sự tham gia của giảng viên) nhận được ĐTB tốt hơn (dưới 1.90) so với các tiêu chí liên quan đến tính cân đối và thời gian (ĐTB trên 2.00).

***Phân tích chi tiết theo tiêu chí***

*a. Tính toàn diện và tổ chức nội bộ*

Các tiêu chí có ĐTB thấp nhất (tốt nhất) cho thấy sự quản lý và tổ chức nội bộ được đánh giá cao:

- Tính đầy đủ các học phần (đại cương, nhóm ngành, cơ sở ngành, chuyên ngành) (ĐTB: 1.81). Khoảng 85% Giảng viên đồng ý rằng cấu trúc này là đầy đủ.
- Thầy/Cô hiểu rõ các yêu cầu và đã triển khai xây dựng, cập nhật, phổ biến đề cương học phần (ĐTB: 1.86).
- Đề cương học phần cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học đạt được CĐR (ĐTB: 1.85).
- Số lượng học phần, số lượng tín chỉ của CTĐT là phù hợp (ĐTB: 1.89).
- Thầy/Cô được tham gia thảo luận, phát triển chương trình đào tạo (ĐTB: 1.89).

Nhìn chung, Giảng viên ghi nhận tốt về sự tham gia, khối lượng học phần và tính rõ ràng của đề cương.

*b. Tính hệ thống và cập nhật*

Tiêu chí "Nội dung CTĐT được đánh giá định kỳ nhằm đảm bảo tính chặt chẽ, hệ thống và cập nhật" đạt ĐTB 1.93. Mức đồng thuận này cho thấy quy trình đảm bảo chất lượng và

cập nhật nội dung đang được thực hiện tốt, nhưng vẫn có khoảng 15% Giảng viên chưa hoàn toàn đồng ý.

*c. Tính cân đối và thời gian*

Các tiêu chí có ĐTB cao nhất (trên 2.00) cho thấy những điểm cần được rà soát:

- Thời gian đào tạo của CTĐT là phù hợp (ĐTB: 2.04). Đây là tiêu chí có ĐTB cao nhất, với 16% Giảng viên (7% Không đồng ý + 9% Hoàn toàn không đồng ý) không đồng ý về sự phù hợp của thời gian đào tạo.

- Nội dung CTĐT có tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành hợp lý (ĐTB: 2.01). Khoảng 16% Giảng viên không đồng ý về tỷ lệ này.

- Mỗi học phần có sự đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CĐR của CTĐT (ĐTB: 2.04).

Sự đồng thuận thấp hơn ở ba tiêu chí này chỉ ra các vấn đề về tính cân đối thực tiễn (tỷ lệ lý thuyết/thực hành) và tính khả thi (thời gian đào tạo), cũng như mức độ đóng góp cụ thể của từng học phần vào CĐR.

***Kết luận chung***

Cấu trúc và Nội dung CTĐT có nhiều điểm mạnh về mặt tổ chức, đặc biệt là sự đầy đủ của các khối kiến thức và tính rõ ràng của đề cương học phần. Tuy nhiên, tồn tại những băn khoăn đáng kể từ phía Giảng viên về tính cân đối của chương trình (tỷ lệ lý thuyết/thực hành) và khung thời gian đào tạo (ĐTB 2.01 và 2.04).

### 2.5.2. Kết quả khảo sát nhóm đối tượng nhà tuyển dụng

*Bảng 14. Kết quả khảo sát nhóm nhà tuyển dụng về cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo*

| **Nội dung câu hỏi** | **Phương án trả lời** | | | | | **Điểm trung bình** |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo** | ***Hoàn toàn đồng ý*** | ***Đồng ý*** | ***Đồng ý một phần*** | ***Không đồng ý*** | ***Hoàn toàn không đồng ý*** | |
| 1. Chương trình đào tạo trang bị đầy đủ kiến thức nền tảng và chuyên môn nghề nghiệp | 60% | 35% | 2% | 2% | 2% | **1.49** |
| 2. Tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành trong chương trình là hợp lý | 52% | 45% | 0% | 2% | 2% | **1.55** |
| 3. Các học phần thực hành, thực tập giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng nghề tốt | 66% | 31% | 0% | 0% | 3% | **1.43** |

| Nội dung câu hỏi | Phương án trả lời | | | | | Điểm trung bình |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo** | ***Hoàn toàn đồng ý*** | ***Đồng ý*** | ***Đồng ý một phần*** | ***Không đồng ý*** | ***Hoàn toàn không đồng ý*** | |
| 4. Nội dung chương trình cập nhật theo yêu cầu thực tế của ngành đào tạo | 62% | 32% | 3% | 2% | 2% | **1.49** |
| 5. Thời lượng đào tạo và khối lượng học phần phù hợp | 55% | 40% | 0% | 2% | 3% | **1.57** |
| 6. Sinh viên tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu công việc tại đơn vị | 55% | 42% | 0% | 0% | 3% | **1.54** |

Nhóm Nhà tuyển dụng thể hiện mức độ đồng thuận rất cao đối với Cấu trúc và Nội dung CTĐT, với tất cả các ĐTB đều nằm trong khoảng từ 1.43 đến 1.57. Đây là mức đồng thuận cao nhất so với nhóm Giảng viên (ĐTB từ 1.81 đến 2.04), củng cố nhận định rằng chương trình đào tạo rất sát với yêu cầu thực tiễn của thị trường lao động.

***Phân tích chi tiết theo tiêu chí***

*a. Tính thực hành và hiệu quả*

- Tiêu chí có ĐTB thấp nhất (tốt nhất) là khả năng "Các học phần thực hành, thực tập giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng nghề tốt" với 1.43.

- Mức độ đồng thuận này rất cao: 97% Nhà tuyển dụng (66% Hoàn toàn đồng ý + 31% Đồng ý) đồng ý với nhận định này, cho thấy tính thực hành là một điểm mạnh then chốt của chương trình.

*b. Kiến thức, cập nhật và đáp ứng công việc*

Các tiêu chí sau đều nhận được sự đồng thuận cao, củng cố chất lượng đầu ra:

- "Chương trình đào tạo trang bị đầy đủ kiến thức nền tảng và chuyên môn nghề nghiệp" (ĐTB: 1.49).

- "Nội dung chương trình cập nhật theo yêu cầu thực tế của ngành đào tạo" (ĐTB: 1.49).

- "Sinh viên tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu công việc tại đơn vị" (ĐTB: 1.54).

Tổng cộng, khoảng 95% - 97% Nhà tuyển dụng đồng ý rằng sinh viên có đủ kiến thức, chương trình được cập nhật, và sinh viên đáp ứng được yêu cầu công việc.

*c. Tỷ lệ lý thuyết/thực hành và thời lượng*

Hai tiêu chí có ĐTB cao nhất (mức độ đồng thuận thấp nhất trong nhóm) là:

- "Thời lượng đào tạo và khối lượng học phần phù hợp" (ĐTB: 1.57).

- "Tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành trong chương trình là hợp lý" (ĐTB: 1.55).

Mặc dù vẫn ở mức đồng thuận rất cao (95% đồng ý), nhưng điểm số cao hơn một chút ở hai tiêu chí này (1.57 và 1.55 so với 1.43) cho thấy Nhà tuyển dụng có thể có một sự ưu tiên ngầm về việc tăng cường thêm thời lượng thực hành hoặc cân nhắc lại tổng thể thời gian/khối lượng để tối ưu hóa việc đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp.

***Kết luận chung***

Nhóm nhà tuyển dụng xác nhận cấu trúc và nội dung CTĐT có chất lượng cao, đặc biệt về khả năng trang bị kỹ năng nghề thông qua thực hành. Mức độ hài lòng rất cao này là một minh chứng quan trọng cho sự thành công của chương trình trong việc đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

### 2.5.3. Kết quả khảo sát nhóm đối tượng cựu sinh viên và sinh viên

*Bảng 15. Kết quả khảo sát nhóm cựu sinh viên về cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo*

| **Nội dung câu hỏi** | **Phương án trả lời** | | | | | **Điểm trung bình** |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo** | ***Hoàn toàn đồng ý*** | ***Đồng ý*** | ***Đồng ý một phần*** | ***Không đồng ý*** | ***Hoàn toàn không đồng ý*** | |
| 1.Chương trình đào tạo có mục tiêu và chuẩn đầu ra rõ ràng | 75% | 17% | 1% | 2% | 6% | **1.47** |
| 2.Chương trình đào tạo có chiến lược dạy-học và phương pháp kiểm tra-đánh giá hợp lý | 74% | 18% | 0% | 3% | 6% | **1.49** |
| 3.Nội dung, cấu trúc chương trình đào tạo cân đối giữa kiến thức, kỹ năng đại cương và kiến thức, kỹ năng chuyên ngành | 70% | 21% | 0% | 4% | 5% | **1.51** |
| 4. Nội dung chương trình có tỷ lệ hợp lý giữa lý thuyết và thực hành | 70% | 21% | 1% | 2% | 6% | **1.53** |
| 5. Số lượng học phần, số lượng tín chỉ của chương trình là phù hợp | 73% | 18% | 0% | 3% | 6% | **1.49** |
| 6. Thời gian đào tạo của chương trình là phù hợp | 75% | 16% | 0% | 2% | 6% | **1.48** |
| 7. Tổ chức thực hiện đồ án tốt nghiệp cuối khoá hợp lý và hiệu quả | 70% | 22% | 0% | 4% | 5% | **1.52** |

*Bảng 16. Kết quả khảo sát nhóm sinh viên về cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo*

| **Nội dung câu hỏi** | **Phương án trả lời** | | | | | **Điểm trung bình** |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo** | ***Hoàn toàn đồng ý*** | ***Đồng ý*** | ***Đồng ý một phần*** | ***Không đồng ý*** | ***Hoàn toàn không đồng ý*** | |
| 1.Chương trình đào tạo có mục tiêu và chuẩn đầu ra rõ ràng | 60% | 28% | 3% | 3% | 5% | **1.66** |
| 2.Chương trình đào tạo có chiến lược dạy-học và phương pháp kiểm tra-đánh giá hợp lý | 55% | 32% | 5% | 3% | 5% | **1.71** |
| 3.Nội dung, cấu trúc chương trình đào tạo cân đối giữa kiến thức, kỹ năng đại cương và kiến thức, kỹ năng chuyên ngành | 56% | 31% | 4% | 4% | 5% | **1.71** |
| 4. Nội dung chương trình có tỷ lệ hợp lý giữa lý thuyết và thực hành | 55% | 31% | 5% | 4% | 5% | **1.72** |
| 5. Số lượng học phần, số lượng tín chỉ của chương trình là phù hợp | 55% | 32% | 5% | 3% | 5% | **1.71** |
| 6. Thời gian đào tạo của chương trình là phù hợp | 55% | 32% | 4% | 3% | 5% | **1.72** |
| 7. Tổ chức thực hiện đồ án tốt nghiệp cuối khoá hợp lý và hiệu quả | 55% | 31% | 5% | 3% | 5% | **1.72** |

Cả hai nhóm Cựu sinh viên và Sinh viên đều thể hiện mức độ đồng thuận rất cao đối với Cấu trúc và Nội dung CTĐT, với các ĐTB đều nằm trong khoảng từ 1.47 đến 1.72.

- Cựu sinh viên có mức độ hài lòng cao hơn (ĐTB từ 1.47 đến 1.53).
- Sinh viên có mức đồng thuận cao nhưng thận trọng hơn một chút (ĐTB từ 1.66 đến 1.72).

Sự khác biệt này cho thấy Cựu sinh viên, sau khi đã sử dụng kiến thức và kỹ năng từ chương trình trong môi trường làm việc thực tế, có cái nhìn khẳng định và hài lòng mạnh mẽ hơn về chất lượng tổng thể của chương trình.

**Phân tích chi tiết theo tiêu chí**

*a. Tính minh bạch và tổ chức chương trình*

Các tiêu chí liên quan đến sự rõ ràng và tổ chức cơ bản của chương trình nhận được sự đánh giá tốt nhất từ cả hai nhóm:

- Chương trình đào tạo có mục tiêu và chuẩn đầu ra rõ ràng: Được Cựu sinh viên đánh giá cao nhất (ĐTB: 1.47) và là điểm tốt nhất của Sinh viên (ĐTB: 1.66). Điều này chứng minh tính minh bạch và định hướng của chương trình là một điểm mạnh cốt lõi.

- Thời gian đào tạo của chương trình là phù hợp: Đạt ĐTB 1.48 (Cựu sinh viên) và 1.72 (Sinh viên).

- Số lượng học phần, số lượng tín chỉ của chương trình là phù hợp: Đạt ĐTB 1.49 (Cựu sinh viên) và 1.71 (Sinh viên).

*b. Chiến lược thực thi và cân đối nội dung*

Các khía cạnh liên quan đến việc thực thi chương trình cũng nhận được sự đồng thuận cao:

- Chương trình đào tạo có chiến lược dạy-học và phương pháp kiểm tra-đánh giá hợp lý: Đạt ĐTB 1.49 (Cựu sinh viên) và 1.71 (Sinh viên).

- Nội dung, cấu trúc chương trình đào tạo cân đối giữa kiến thức, kỹ năng đại cương và kiến thức, kỹ năng chuyên ngành: Đạt ĐTB 1.51 (Cựu sinh viên) và 1.71 (Sinh viên).

- Tổ chức thực hiện đồ án tốt nghiệp cuối khoá hợp lý và hiệu quả: Đạt ĐTB 1.52 (Cựu sinh viên) và 1.72 (Sinh viên).

*c. Tỷ lệ lý thuyết và thực hành*

Tiêu chí "Nội dung chương trình có tỷ lệ hợp lý giữa lý thuyết và thực hành" là tiêu chí có ĐTB cao nhất trong nhóm Cựu sinh viên (1.53) và Sinh viên (1.72).

Mặc dù mức độ đồng thuận vẫn cao, việc tiêu chí này xếp cuối cùng trong bảng đánh giá của cả hai nhóm cho thấy đây là một khía cạnh mà người học và người đã tốt nghiệp cảm nhận được còn tiềm năng để cải thiện hoặc chưa thực sự tối ưu so với các yếu tố khác của CTĐT.

**Kết luận chung**

Cấu trúc và Nội dung CTĐT ngành Giáo dục Tiểu học được Cựu sinh viên và Sinh viên nhìn nhận là rõ ràng, có tổ chức tốt và thời gian đào tạo phù hợp. Sự hài lòng này, đặc biệt từ Cựu sinh viên, củng cố tính hiệu quả của chương trình khi chuyển sang môi trường làm việc.

## 2.6. Khảo sát về Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học

*Bảng 17. Kết quả khảo sát nhóm giảng viên về Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học*

| **Nội dung câu hỏi** | **Phương án trả lời** | | | | | **Điểm trung bình** |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Bản mô tả Chương trình đào tạo** | ***Hoàn toàn đồng ý*** | ***Đồng ý*** | ***Đồng ý một phần*** | ***Không đồng ý*** | ***Hoàn toàn không đồng ý*** | |
| 1. Được phổ biến công khai cho người học và các đối tượng liên quan | 46% | 38% | 3% | 14% | 0% | **1.84** |
| 2. Cung cấp đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT | 43% | 38% | 4% | 7% | 8% | **1.99** |
| 3. Cung cấp đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng lao động hiểu về năng lực và các kỹ năng khác được trang bị thông qua CTĐT | 42% | 42% | 3% | 14% | 0% | **1.88** |

Giảng viên nhìn chung thể hiện mức độ đồng thuận cao đối với Bản mô tả CTĐT, với các ĐTB nằm trong khoảng từ 1.84 đến 1.99. Mặc dù đồng thuận, các điểm này cao hơn một chút so với các tiêu chí tổ chức nội bộ khác, cho thấy có một số băn khoăn về tính hiệu quả truyền thông của Bản mô tả.

***Phân tích chi tiết theo tiêu chí***

*a. Tính công khai và phổ biến*

Tiêu chí có ĐTB thấp nhất (tốt nhất) là "Được phổ biến công khai cho người học và các đối tượng liên quan" với 1.84.

Khoảng 84% Giảng viên (46% Hoàn toàn đồng ý + 38% Đồng ý) xác nhận rằng Bản mô tả CTĐT đã được phổ biến công khai. Điều này chứng minh Nhà trường đã thực hiện tốt công tác truyền thông cơ bản.

*b. Cung cấp thông tin cho nhà tuyển dụng*

Khả năng "Cung cấp đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng lao động hiểu về năng lực và các kỹ năng khác được trang bị thông qua CTĐT" đạt ĐTB 1.88.

Mức độ đồng thuận cao này cho thấy Giảng viên tin rằng Bản mô tả đã được thiết kế để phục vụ tốt cho mục tiêu marketing chương trình và giúp các đơn vị tuyển dụng nắm bắt được năng lực của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

*c. Cung cấp thông tin cho người học*

Tiêu chí có ĐTB cao nhất là "Cung cấp đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT" với 1.99.

Đây là tiêu chí duy nhất gần chạm mốc 2.00, với 15% Giảng viên (7% Không đồng ý + 8% Hoàn toàn không đồng ý) không đồng ý rằng Bản mô tả cung cấp đủ thông tin cho người học. Điều này là một tín hiệu đáng lưu ý, vì Bản mô tả cần phải là tài liệu tham khảo chính yếu giúp Sinh viên định hướng học tập.

***Kết luận chung***

Bản mô tả CTĐT ngành Giáo dục Tiểu học được Giảng viên đánh giá là công khai, phổ biến rộng rãi và hiệu quả trong việc truyền thông năng lực của sinh viên đến nhà tuyển dụng. Tuy nhiên, tồn tại một khoảng cách nhỏ về nhận thức trong nội bộ, khi một bộ phận Giảng viên cho rằng Bản mô tả chưa thực sự cung cấp đủ thông tin cần thiết và dễ hiểu cho chính người học.

## III. PHẦN KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### 3.1. Kết luận

Qua phân tích toàn diện ý kiến của các bên liên quan về Chương trình Đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học, báo cáo đi đến những kết luận quan trọng sau:

***a. Điểm mạnh***

Tính hiệu quả của Đầu ra: Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của CTĐT được các bên liên quan bên ngoài, đặc biệt là Nhà tuyển dụng (ĐTB Mục tiêu: 1.49; ĐTB CĐR: rất thấp, thể hiện sự đồng thuận cao) và Cựu sinh viên (ĐTB Mục tiêu: 1.48) đánh giá rất cao. Điều này khẳng định CTĐT đã đáp ứng tốt nhu cầu xã hội và trang bị đầy đủ năng lực nghề nghiệp cần thiết cho người học.

Tính Tổ chức và Minh bạch: Các yếu tố về cấu trúc CTĐT (tính đầy đủ học phần, khối lượng tín chỉ), tính rõ ràng của mục tiêu và CĐR được tất cả các nhóm ghi nhận tích cực.

***b. Khoảng cách nhận thức và các điểm cần cải thiện***

Khoảng cách Giữa Thực thi và Sử dụng: Tồn tại sự khác biệt rõ rệt về mức độ hài lòng giữa Giảng viên và Sinh viên (nhóm thực thi/thụ hưởng trực tiếp) so với Nhà tuyển dụng và Cựu sinh viên (nhóm sử dụng đầu ra). Giảng viên luôn là nhóm có đánh giá khắt khe nhất, cho thấy họ nhận thấy rõ những khó khăn và điểm chưa tối ưu trong quá trình triển khai.

Vấn đề Cân đối và Thời lượng: Đây là điểm gây băn khoăn lớn nhất: Tỷ lệ Lý thuyết/Thực hành: Được Giảng viên đánh giá là ít hợp lý nhất (ĐTB 2.01) và Sinh viên cũng có ĐTB cao (1.72). Điều này cho thấy mặc dù chất lượng đầu ra tốt, nhưng tỷ lệ hiện tại đang gây áp lực hoặc chưa tối ưu hóa hiệu quả học tập/giảng dạy.

Thời gian Đào tạo: Giảng viên có mức độ đồng thuận thấp nhất (ĐTB 2.04) về sự phù hợp của thời gian đào tạo.

Vấn đề Kỹ thuật CĐR và Đánh giá: Giảng viên băn khoăn về tính khả thi, dễ thực hiện của Bộ tiêu chí đánh giá CĐR và tính chính xác của ngôn ngữ được sử dụng (ví dụ: động từ Bloom), cũng như sự tương thích của CĐR với các tiêu chuẩn vĩ mô (Khung trình độ Quốc gia).

Bản mô tả CTĐT vẫn chưa "Cung cấp đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT" (ĐTB 1.99 - cao nhất trong nhóm), làm giảm hiệu quả định hướng học tập cho Sinh viên.

### 3.2. Kiến nghị

Từ những kết luận trên, Khoa Giáo dục Tiểu học kiến nghị các giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện và nâng cao chất lượng CTĐT:

***a. Về cấu trúc, nội dung và thời lượng đào tạo***

- Rà soát Tỷ lệ Lý thuyết/Thực hành: Khẩn trương thành lập nhóm chuyên môn để rà soát lại tỷ lệ Lý thuyết/Thực hành trong toàn bộ CTĐT, đặc biệt là các học phần chuyên ngành, theo hướng tối ưu hóa thời gian thực hành và thực tế sư phạm, dựa trên các phương pháp giảng dạy tích cực và phản hồi từ Giảng viên.

- Xem xét Khung thời gian: Nghiên cứu kỹ lưỡng về tính phù hợp của tổng thời gian đào tạo và khối lượng học phần để đảm bảo Giảng viên có đủ thời gian triển khai các hoạt động dạy học, kiểm tra, đánh giá chất lượng cao, đồng thời Sinh viên có đủ thời gian để tự học và tham gia các hoạt động thực tế.

***b. Về chuẩn đầu ra và hệ thống đánh giá***

- Chuẩn hóa và Nâng cao Tính khả thi của CĐR:

+ Rà soát lại ngôn ngữ CĐR, đảm bảo sử dụng động từ hành động theo thang bậc nhận thức (Bloom/CDIO) một cách chính xác, thống nhất và có thể đo lường được.

+ Tăng cường tính tương thích của CĐR với Khung trình độ Quốc gia và các yêu cầu cụ thể từ Nhà tuyển dụng.

- Cải tiến Bộ Tiêu chí Đánh giá: Điều chỉnh Bộ tiêu chí đánh giá CĐR để tăng tính khả thi và dễ thực hiện cho Giảng viên trong quá trình giảng dạy và kiểm tra, đánh giá [cited previously in thought process].

***c. Về công cụ hỗ trợ và phổ biến thông tin***

- Cải thiện Bản mô tả CTĐT: Sửa đổi và cải tiến Bản mô tả CTĐT theo hướng chi tiết, trực quan hơn, tập trung vào việc làm rõ lộ trình học tập, yêu cầu về năng lực, và mối liên hệ giữa các học phần. Mục tiêu là để Bản mô tả trở thành công cụ hiệu quả cho người học trong việc tự định hướng và lập kế hoạch học tập (giải quyết vấn đề ĐTB 1.99).

- Tăng cường Tham gia của Giảng viên: Tổ chức các hội thảo chuyên đề định kỳ để Giảng viên thảo luận sâu hơn về các tiêu chí đánh giá, phương pháp giảng dạy và rà soát CĐR, từ đó nâng cao mức độ đồng thuận nội bộ về tính khả thi của chương trình.

## PHỤ LỤC

### Phụ lục 1. Phiếu khảo sát dành cho giảng viên

**KHẢO SÁT MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

***(Dành cho giảng viên)***

Kính gửi quý Thầy/Cô,

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo trình độ đại học, chúng tôi thực hiện khảo sát về về mục tiêu, chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo. Khảo sát nhằm thu thập ý kiến đánh giá của Thầy/Cô để điều chỉnh, hoàn thiện chương trình đào tạo phù hợp thực tiễn. Chúng tôi mong Thầy/Cô cung cấp thông tin trung thực và khách quan theo nội dung trong phiếu khảo sát. Sự tham gia đóng góp ý kiến của Thầy/Cô là thông tin vô cùng quý báu cho chương trình cải tiến.

Mọi thông tin được bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu, cải tiến chương trình.

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác và đóng góp quý báu của Thầy/Cô!

➔ Next

**Phần A: Thông tin chung**

1. Họ và tên:

Đơn vị:

Điện thoại:

Email:

Thầy/Cô trả lời câu hỏi khảo sát mức độ đồng ý của mình về các nội dung cụ thể, bằng cách chọn một trong các mức từ 1 đến 5 với quy ước:

1. Hoàn toàn đồng ý
2. Đồng ý
3. Đồng ý một phần
4. Không đồng ý
5. Hoàn toàn không đồng ý

**1.Khảo sát về mục của Chương trình đào tạo**

| **Nội dung câu hỏi** | **Phương án trả lời** | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| **Mục của Chương trình đào tạo trình độ đại học** | *Hoàn toàn đồng ý* | *Đồng ý* | *Đồng ý một phần* | *Không đồng ý* | *Hoàn toàn không đồng ý* |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 1. Rõ ràng, dễ hiểu, tương thích với tầm nhìn và sứ mạng của Trường Đại học Vinh | | | | | |
| 2. Phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học theo quy định tại Luật Giáo dục đại học hiện hành | | | | | |
| 3. Mang tính đặc thù của ngành đào tạo | | | | | |
| 4. Phản ánh được năng lực và trình độ nghề nghiệp của người học sau khi tốt nghiệp | | | | | |
| 5. Đáp ứng được nhu cầu xã hội | | | | | |

**2. Khảo sát về CĐR CTĐT**

| **Nội dung câu hỏi** | **Phương án trả lời** | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| **Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo trình độ đại học (viết tắt là CĐR)** | *Hoàn toàn đồng ý* | *Đồng ý* | *Đồng ý một phần* | *Không đồng ý* | *Hoàn toàn không đồng ý* |
| 1. Tương thích với mục tiêu của CTĐT | | | | | |
| 2. CĐR phản ánh tầm nhìn, sứ mạng và triết lý giáo dục của Nhà trường | | | | | |
| 3. CĐR bao gồm đầy đủ chuẩn đầu ra chung (generic PLOs) và chuẩn đầu ra chuyên ngành (subject-specific PLOs) | | | | | |
| 4. CĐR rõ ràng và đo lường được | | | | | |
| 5. Tương thích với khung trình độ quốc gia | | | | | |
| 6. CĐR phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan | | | | | |
| 7. CĐR được chuyển tải đầy đủ vào CTĐT | | | | | |
| 8. Thầy/cô được phổ biến, góp ý về CĐR | | | | | |

**3. Bộ tiêu chí đánh giá kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, năng lực CDIO của CTĐT giáo viên trình độ đại học**

| **Nội dung câu hỏi** | **Phương án trả lời** | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| **Bộ tiêu chí đánh giá kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, năng lực CDIO của CTĐT giáo viên trình độ đại học** | *Hoàn toàn đồng ý* | *Đồng ý* | *Đồng ý một phần* | *Không đồng ý* | *Hoàn toàn không đồng ý* |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 1. Đo lường được mức độ đạt được CĐR của người học | | | | | |
| 2. Có tính khả thi, dễ thực hiện | | | | | |
| 3. Có cấu trúc khoa học, hợp lí | | | | | |
| 4. sử dụng đúng các động từ thể hiện các mức năng lực theo tháng đo năng lực Bloom | | | | | |
| 5. Bao quát được yêu cầu của các CĐR | | | | | |

**4. Phân nhiệm CĐR và minh chứng đánh giá CĐR của các học phần đồ án trong CTĐT trình độ đại học**

| **Phân nhiệm CĐR và minh chứng đánh giá CĐR của các học phần đồ án trong CTĐT giáo viên trình độ đại học** | *Hoàn toàn đồng ý* | *Đồng ý* | *Đồng ý một phần* | *Không đồng ý* | *Hoàn toàn không đồng ý* |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | |
| 1. Bảo đảm tính logic, khoa học | | | | | |
| 2. Xác định rõ mức độ đóng góp của từng học phần đồ án cho CĐR CTĐT | | | | | |
| 3. Số lượng, loại CĐR phân nhiệm cho từng học phần đồ án phù hợp với nội dung và hình thức tổ chức dạy học, KTĐG | | | | | |
| 4. Các yêu cầu về minh chứng phù hợp với yêu cầu đánh giá CĐR | | | | | |
| 5. Mỗi học phần đồ án có sự đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CĐR của CTĐT. | | | | | |
| 6. Số lượng học phần đồ án phù hợp với yêu cầu của CTĐT | | | | | |

**5. Khảo sát về cấu trúc và nội dung CTDH**

| **Nội dung câu hỏi** | **Phương án trả lời** |
|---|---|

| **Cấu trúc và nội dung Chương trình đào tạo** | *Hoàn toàn đồng ý* | *Đồng ý* | *Đồng ý một phần* | *Không đồng ý* | *Hoàn toàn không đồng ý* |
|---|---|---|---|---|---|
| 1. Nội dung, cấu trúc CTĐT bao gồm đầy đủ các học phần đại cương, nhóm ngành, cơ sở ngành, chuyên ngành | | | | | |
| 2. Nội dung CTĐT được đánh giá định kỳ nhằm đảm bảo tính chặt chẽ, hệ thống và cập nhật. | | | | | |
| 3. Nội dung CTĐT có tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành hợp lý theo cấu trúc chuẩn đầu ra của CTĐT. | | | | | |
| 4. Mỗi học phần có sự đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CĐR của CTĐT. | | | | | |
| 5. Số lượng học phần, số lượng tín chỉ của CTĐT là phù hợp | | | | | |
| 6. Thời gian đào tạo của CTĐT là phù hợp | | | | | |
| 7. Thầy/Cô được tham gia thảo luận, phát triển chương trình đào tạo qua các hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp | | | | | |
| 8. Thầy/Cô hiểu rõ các yêu cầu và đã triển khai xây dựng, cập nhật, phổ biến đề cương học phần cho người học. | | | | | |
| 9. Đề cương học phần cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học đạt được CĐR của học phần | | | | | |

**6. Khảo sát về Bản mô tả CTĐT**

| **Nội dung câu hỏi** | **Phương án trả lời** | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| **Bản mô tả Chương trình đào tạo** | *Hoàn toàn đồng ý* | *Đồng ý* | *Đồng ý một phần* | *Không đồng ý* | *Hoàn toàn không đồng ý* |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1. Được phổ biến công khai cho người học và các đối tượng liên quan | | | | | | |
| 2. Cung cấp đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT | | | | | | |
| 3. Cung cấp đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng lao động hiểu về năng lực và các kỹ năng khác được trang bị thông qua CTĐT | | | | | | |

***Xin cảm ơn Thầy/Cô đã hoàn thành phiếu khảo sát!***

## Phụ lục 2. Phiếu khảo sát dành cho nhà tuyển dụng

**KHẢO SÁT MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

***(Dành cho nhà tuyển dụng)***

Kính gửi quý Quý vị,

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo trình độ đại học, chúng tôi thực hiện khảo sát về về mục tiêu, chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo. Khảo sát nhằm thu thập ý kiến đánh giá của Quý vị để điều chỉnh, hoàn thiện chương trình đào tạo phù hợp thực tiễn. Chúng tôi mong Quý vị cung cấp thông tin trung thực và khách quan theo nội dung trong phiếu khảo sát. Sự tham gia đóng góp ý kiến của Quý vị là thông tin vô cùng quý báu cho chương trình cải tiến.

Mọi thông tin được bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu, cải tiến chương trình.

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác và đóng góp quý báu của Quý vị!

➔ Next

**Phần A: Thông tin chung**

1. Họ và tên:

Đơn vị:

Điện thoại:

Email:

Anh/chị trả lời câu hỏi khảo sát mức độ đồng ý của mình về các nội dung cụ thể, bằng cách chọn một trong các mức từ 1 đến 5 với quy ước:

1. Hoàn toàn đồng ý
2. Đồng ý

3. Đồng ý một phần
4. Không đồng ý
5. Hoàn toàn không đồng ý

**1.Khảo sát về mục của Chương trình đào tạo**

| **Nội dung câu hỏi** | **Phương án trả lời** | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| **Mục của Chương trình đào tạo trình độ đại học** | *Hoàn toàn đồng ý* | *Đồng ý* | *Đồng ý một phần* | *Không đồng ý* | *Hoàn toàn không đồng ý* |
| 1. Rõ ràng, dễ hiểu, tương thích với tầm nhìn và sứ mạng của Trường Đại học Vinh | | | | | |
| 2. Phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học theo quy định tại Luật Giáo dục đại học hiện hành | | | | | |
| 3. Mang tính đặc thù của ngành đào tạo | | | | | |
| 4. Phản ánh được năng lực và trình độ nghề nghiệp của người học sau khi tốt nghiệp | | | | | |
| 5. Đáp ứng được nhu cầu xã hội | | | | | |

***2.Khảo sát về CĐR CTĐT***

| **Nội dung câu hỏi** | **Phương án trả lời** | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| **I. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo trình độ đại học (viết tắt là CĐR)** | *Hoàn toàn đồng ý* | *Đồng ý* | *Đồng ý một phần* | *Không đồng ý* | *Hoàn toàn không đồng ý* |
| 1. Chuẩn đầu ra phản ánh đúng yêu cầu năng lực của sinh viên khi làm việc thực tế tại cơ sở thực tập | | | | | |
| 2. Chuẩn đầu ra đáp ứng được yêu cầu tuyển dụng và phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực chuyên môn | | | | | |
| 3. Chuẩn đầu ra thể hiện rõ kiến thức, kỹ năng, phẩm chất nghề nghiệp cần có | | | | | |
| 4. Chuẩn đầu ra rõ ràng, có thể đo lường, đánh giá được | | | | | |
| 5. Chuẩn đầu ra được thiết kế phù hợp với sự phát triển của ngành và nhu cầu xã hội | | | | | |

***3. Khảo sát về cấu trúc và nội dung CTDH ngành Giáo dục Tiểu học***

| Nội dung câu hỏi | Phương án trả lời | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| **Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo** | *Hoàn toàn đồng ý* | *Đồng ý* | *Đồng ý một phần* | *Không đồng ý* | *Hoàn toàn không đồng ý* |
| 1. Chương trình đào tạo trang bị đầy đủ kiến thức nền tảng và chuyên môn nghề nghiệp | | | | | |
| 2. Tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành trong chương trình là hợp lý | | | | | |
| 3. Các học phần thực hành, thực tập giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng nghề tốt | | | | | |
| 4. Nội dung chương trình cập nhật theo yêu cầu thực tế của ngành đào tạo | | | | | |
| 5. Thời lượng đào tạo và khối lượng học phần phù hợp | | | | | |
| 6. Sinh viên tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu công việc tại đơn vị | | | | | |

***Xin cảm ơn Anh/chị đã hoàn thành phiếu khảo sát!***

## Phụ lục 3. Phiếu khảo sát dành cho cựu sinh viên

**KHẢO SÁT MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

(Dành cho Cựu sinh viên)

Kính gửi quý Anh/chị,

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo trình độ đại học, chúng tôi thực hiện khảo sát về mục tiêu, chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo. Khảo sát nhằm thu thập ý kiến đánh giá của Anh/chị để điều chỉnh, hoàn thiện chương trình đào tạo phù hợp thực tiễn. Chúng tôi mong Anh/chị cung cấp thông tin trung thực và khách quan theo nội dung trong phiếu khảo sát. Sự tham gia đóng góp ý kiến của quý Anh/chị là thông tin vô cùng quý báu cho chương trình cải tiến.

Mọi thông tin được bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu, cải tiến chương trình.

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác và đóng góp quý báu của Thầy/Cô!

➔ Next

**Phần A: Thông tin chung**

1. Họ và tên:

Đơn vị:

Điện thoại:

Email:

Anh/chị trả lời câu hỏi khảo sát mức độ đồng ý của mình về các nội dung cụ thể, bằng cách chọn một trong các mức từ 1 đến 5 với quy ước:

1. Hoàn toàn đồng ý
2. Đồng ý
3. Đồng ý một phần
4. Không đồng ý
5. Hoàn toàn không đồng ý

**1.Khảo sát về mục của Chương trình đào tạo**

| **Nội dung câu hỏi** | **Phương án trả lời** | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| **Mục của Chương trình đào tạo trình độ đại học** | *Hoàn toàn đồng ý* | *Đồng ý* | *Đồng ý một phần* | *Không đồng ý* | *Hoàn toàn không đồng ý* |
| 1. Rõ ràng, dễ hiểu, tương thích với tầm nhìn và sứ mạng của Trường Đại học Vinh | | | | | |
| 2. Phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học theo quy định tại Luật Giáo dục đại học hiện hành | | | | | |
| 3. Mang tính đặc thù của ngành đào tạo | | | | | |
| 4. Phản ánh được năng lực và trình độ nghề nghiệp của người học sau khi tốt nghiệp | | | | | |
| 5. Đáp ứng được nhu cầu xã hội | | | | | |

**2. Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo**

| **Nội dung câu hỏi** | **Phương án trả lời** | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| **Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo trình độ đại học (viết tắt là CĐR)** | *Hoàn toàn đồng ý* | *Đồng ý* | *Đồng ý một phần* | *Không đồng ý* | *Hoàn toàn không đồng ý* |
| 1. Tương thích với mục tiêu của CTĐT | | | | | |
| 2. CĐR phản ánh tầm nhìn, sứ mạng và triết lý giáo dục của Nhà trường | | | | | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 3. CĐR bao gồm đầy đủ chuẩn đầu ra chung (generic PLOs) và chuẩn đầu ra chuyên ngành (subject-specific PLOs) | | | | | |
| 4. CĐR rõ ràng và đo lường được | | | | | |
| 5. CĐR phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan | | | | | |
| 6. CĐR được chuyển tải đầy đủ vào CTĐT | | | | | |
| 7 Anh/chị được phổ biến, góp ý về CĐR | | | | | |

**3. Khảo sát về nội dung chương trình đào tạo**

| **Nội dung câu hỏi** | **Phương án trả lời** | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| **Nội dung chương trình đào tạo** | *Hoàn toàn đồng ý* | *Đồng ý* | *Đồng ý một phần* | *Không đồng ý* | *Hoàn toàn không đồng ý* |
| 1.Chương trình đào tạo có mục tiêu và chuẩn đầu ra rõ ràng | | | | | |
| 2.Chương trình đào tạo có chiến lược dạy-học và phương pháp kiểm tra-đánh giá hợp lý | | | | | |
| 3.Nội dung, cấu trúc chương trình đào tạo cân đối giữa kiến thức, kỹ năng đại cương và kiến thức, kỹ năng chuyên ngành | | | | | |
| 4. Nội dung chương trình có tỷ lệ hợp lý giữa lý thuyết và thực hành | | | | | |
| 5. Số lượng học phần, số lượng tín chỉ của chương trình là phù hợp | | | | | |
| 6. Thời gian đào tạo của chương trình là phù hợp | | | | | |
| 7. Tổ chức thực hiện đồ án tốt nghiệp cuối khoá hợp lý và hiệu quả | | | | | |

***Xin cảm ơn Quý Anh/Chị đã hoàn thành phiếu khảo sát!***

## Phụ lục 4. Phiếu khảo sát dành cho sinh viên

**KHẢO SÁT MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

(Dành cho sinh viên)

Kính gửi quý Anh/chị,

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo trình độ đại học, chúng tôi thực hiện khảo sát về mục tiêu, chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo. Khảo sát nhằm thu thập ý kiến đánh giá của Anh/chị để điều chỉnh, hoàn thiện chương trình đào tạo phù hợp thực tiễn. Chúng tôi mong Anh/chị cung cấp thông tin trung thực và khách quan theo nội dung trong phiếu khảo sát. Sự tham gia đóng góp ý kiến của quý Anh/chị là thông tin vô cùng quý báu cho chương trình cải tiến.

Mọi thông tin được bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu, cải tiến chương trình.

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác và đóng góp quý báu của Thầy/Cô!

➔ Next

**Phần A: Thông tin chung**

1. Họ và tên:

Đơn vị:

Điện thoại:

Email:

Anh/chị trả lời câu hỏi khảo sát mức độ đồng ý của mình về các nội dung cụ thể, bằng cách chọn một trong các mức từ 1 đến 5 với quy ước:

1. Hoàn toàn đồng ý
2. Đồng ý
3. Đồng ý một phần
4. Không đồng ý
5. Hoàn toàn không đồng ý

**1.Khảo sát về mục của Chương trình đào tạo**

| **Nội dung câu hỏi** | **Phương án trả lời** | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| **Mục của Chương trình đào tạo trình độ đại học** | *Hoàn toàn đồng ý* | *Đồng ý* | *Đồng ý một phần* | *Không đồng ý* | *Hoàn toàn không đồng ý* |
| 1. Rõ ràng, dễ hiểu, tương thích với tầm nhìn và sứ mạng của Trường Đại học Vinh | | | | | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 2. Phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học theo quy định tại Luật Giáo dục đại học hiện hành | | | | | |
| 3. Mang tính đặc thù của ngành đào tạo | | | | | |
| 4. Phản ánh được năng lực và trình độ nghề nghiệp của người học sau khi tốt nghiệp | | | | | |
| 5. Đáp ứng được nhu cầu xã hội | | | | | |

**2. Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo**

| **Nội dung câu hỏi** | **Phương án trả lời** | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| **Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo trình độ đại học (viết tắt là CĐR)** | *Hoàn toàn đồng ý* | *Đồng ý* | *Đồng ý một phần* | *Không đồng ý* | *Hoàn toàn không đồng ý* |
| 1. Tương thích với mục tiêu của CTĐT | | | | | |
| 2. CĐR phản ánh tầm nhìn, sứ mạng và triết lý giáo dục của Nhà trường | | | | | |
| 3. CĐR bao gồm đầy đủ chuẩn đầu ra chung (generic PLOs) và chuẩn đầu ra chuyên ngành (subject-specific PLOs) | | | | | |
| 4. CĐR rõ ràng và đo lường được | | | | | |
| 5. CĐR phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan | | | | | |
| 6. CĐR được chuyển tải đầy đủ vào CTĐT | | | | | |
| 7 Anh/chị được phổ biến, góp ý về CĐR | | | | | |

**3. Khảo sát về nội dung chương trình đào tạo**

| **Nội dung câu hỏi** | **Phương án trả lời** | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| **Nội dung chương trình đào tạo** | *Hoàn toàn đồng ý* | *Đồng ý* | *Đồng ý một phần* | *Không đồng ý* | *Hoàn toàn không đồng ý* |
| 1.Chương trình đào tạo có mục tiêu và chuẩn đầu ra rõ ràng | | | | | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 2.Chương trình đào tạo có chiến lược dạy-học và phương pháp kiểm tra-đánh giá hợp lý | | | | | |
| 3.Nội dung, cấu trúc chương trình đào tạo cân đối giữa kiến thức, kỹ năng đại cương và kiến thức, kỹ năng chuyên ngành | | | | | |
| 4. Nội dung chương trình có tỷ lệ hợp lý giữa lý thuyết và thực hành | | | | | |
| 5. Số lượng học phần, số lượng tín chỉ của chương trình là phù hợp | | | | | |
| 6. Thời gian đào tạo của chương trình là phù hợp | | | | | |
| 7. Tổ chức thực hiện đồ án tốt nghiệp cuối khoá hợp lý và hiệu quả | | | | | |

***Xin cảm ơn Quý Anh/Chị đã hoàn thành phiếu khảo sát!***